

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

E-ĐKC 1.1	<p>Chủ đầu tư: Công ty Truyền tải điện 2</p> <ul style="list-style-type: none">- Địa chỉ trụ sở: Số 220 Nguyễn Văn Linh, Phường Thạnh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam- Tài khoản: 115000008870 tại Ngân hàng TMCP Công thương – CN Đà Nẵng- Mã số thuế: 0102743068-006- Điện thoại: 0236 2225600- Fax: 0236 2225600
E-ĐKC 1.3	<p>Nhà thầu: ___ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].</p>
E-ĐKC 1.11	<p>Địa điểm dự án: Giao hàng tại Kho vật tư Công ty Truyền tải điện 2, đường số 9 Khu công nghiệp Hòa Cầm, phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.</p>
E-ĐKC 2.2 (i)	<p>Các tài liệu sau đây cũng là một phần của hợp đồng:</p> <ol style="list-style-type: none">1. Các tài liệu kỹ thuật liên quan.2. Công khai thông tin về quy định của Tập đoàn điện lực Việt Nam khi đánh giá quá trình thực hiện Hợp đồng:<ul style="list-style-type: none">- Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đã có Quyết định số 514/QĐ-EVN ngày 17/4/2025 về việc ban hành Hướng dẫn về đánh giá kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam (Quyết định 514).- Quyết định 514 nêu trên đã được đăng tải trên mục Văn bản pháp quy của Hệ thống Thông tin Quản lý Đấu Thầu của EVN tại địa chỉ https://dauthau.evn.com.vn/ <p>Đề nghị các nhà thầu truy cập đường dẫn tại địa chỉ https://dauthau.evn.com.vn/ để tìm hiểu các thông tin quy định của EVN trong quá trình hiện Hợp đồng.</p>
E-ĐKC 4.1	<p>Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây:</p> <ul style="list-style-type: none">- Người nhận: Công ty Truyền tải điện 2;- Địa chỉ: Trụ sở: số 220 Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Thạnh Khê, Tp. Đà Nẵng; Văn phòng làm việc: số 478 đường 2 Tháng 9, Tp Đà Nẵng.- Điện thoại: 02362225600- Fax: 0236 222 5610. <p>Địa chỉ email: dtxdptc2@gmail.com</p>
E-ĐKC 5.2	<ul style="list-style-type: none">- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 5% giá hợp đồng.- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trong vòng 07 ngày kể từ ngày phát hành văn bản thông báo chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng. Trường hợp Nhà thầu nộp chậm hơn thời gian nêu trên, Chủ đầu tư có quyền

thông báo hủy hợp đồng và tịch thu bảo lãnh dự thầu.

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được cấp bởi ngân hàng, tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu, theo Mẫu số 18. Bảo đảm thực hiện hợp đồng thuộc Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng của HSMT.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành bảo lãnh hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực (tùy điều kiện nào đến trước) cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Bên B hoàn thành tất cả Công việc của Hợp đồng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành. Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này.

- Trường hợp Bên B là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là 05 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng cho Bên A và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng Bên B phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 05 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp.

- Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:

- + Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;
- + Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- + Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng;
- + Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng;
- + Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích.
- + Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.

- Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày.

- Trường hợp Dự án được nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng, tuy nhiên Nhà cung cấp vẫn chưa hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng thì Nhà

	cung cấp phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo quy định.
E-ĐKC 5.4	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Không chậm hơn 30 ngày kể từ ngày hoàn thành các nghĩa vụ thực hiện bao gồm các nghĩa vụ đảm bảo được nêu trong hợp đồng.</p> <p>Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong các trường hợp theo quy định tại khoản 6, Điều 68 của Luật đấu thầu số 22/2023/QH15.</p>
E-ĐKC 6.1	Danh sách nhà thầu phụ: __ <i>[ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT].</i>
E-ĐKC 7.2	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày từ khi phát sinh tranh chấp (hoặc một thời gian khác do hai bên thoả thuận vào khi tranh chấp phát sinh).</p> <p>Giải quyết tranh chấp: Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc thì hai bên phải cùng bàn bạc giải quyết. Sau thời gian quy định trên nếu Bên A và Bên B không thể giải quyết được vấn đề tranh chấp thì hai bên chọn Toà án cấp có thẩm quyền có địa điểm đặt tại địa bàn Bên A để được xét xử giải quyết. Phán quyết của Toà án là tối thượng cuối cùng buộc hai bên phải chấp hành. Bên có lỗi chịu mọi chi phí liên quan đến Toà án.</p>
E-ĐKC 9	<p>Nhà thầu phải cung cấp các thông tin và chứng từ sau đây:</p> <p>Cung cấp hàng hóa, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) và tài liệu chứng từ kèm theo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bên B cung cấp cho bên A biểu tiến độ chi tiết đối với các mốc: trình, duyệt bản vẽ chế tạo, tài liệu, hồ sơ kỹ thuật, khối lượng giao hàng cho từng đợt. Các tiến độ trên được thống nhất giữa bên A và B và được cập nhật, báo cáo Bên A hàng tuần. - Khi hàng đến kho Bên A sẽ được kiểm tra bởi Bên A hoặc đại diện của Bên A. - Khiếu nại, nếu có sẽ được gửi bằng fax hoặc phát chuyển nhanh cho Bên B, được xác nhận bằng thư có đăng ký, kèm chứng từ trong thời hạn quy định tại Luật Thương mại hiện hành. - Trong trường hợp hàng hoá mua không đúng quy định hoặc có khác biệt, Bên B có trách nhiệm thay thế hàng hoá nói trên bằng chi phí của mình theo giá hợp đồng + chi phí vận chuyển hàng hóa đến địa điểm thực hiện dự án (bao gồm phí xếp dỡ xuống) + chi phí tháo dỡ VTTB hỏng + chi phí lắp đặt. Bên A sẽ hoàn trả hàng hoá không đúng quy định theo yêu cầu bằng chi phí của Bên B. - Khi gửi hàng, Bên B sẽ gửi cho Bên A bằng fax hoặc phát chuyển nhanh đầy đủ chi tiết của chuyến hàng bao gồm số hợp đồng, mô tả hàng, số lượng, phương tiện vận chuyển, ngày giao hàng, tất cả các dữ kiện cần thiết khác. - Bên B sẽ gửi fax hoặc phát chuyển nhanh các tài liệu sau cho Bên A: <ul style="list-style-type: none"> + Thông báo giao hàng trong đó xác nhận chi tiết chuyến hàng gửi: Số và ngày ký hợp đồng, số kiện hàng, trọng lượng, số lượng hàng và trị giá, tên và địa chỉ của Công ty vận chuyển, thời gian và địa điểm giao hàng.

	<ul style="list-style-type: none"> + Các bản sao hoá đơn của Bên B nêu mô tả hàng, số lượng, đơn giá, tổng giá trị; + Biên bản thử nghiệm do nhà sản xuất thực hiện cho toàn bộ hàng hóa thuộc gói thầu hoặc từng đợt giao hàng. + Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa hợp lệ (nếu hàng hóa có nguồn gốc từ nước ngoài) + Giấy chứng nhận bảo hành của nhà sản xuất/Bên Bán. + Các bản kê chi tiết hàng hóa đóng gói. + Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa và vật liệu. + Chứng nhận chất lượng và số lượng do nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp phát hành. + Chứng chỉ xuất xưởng của nhà sản xuất. + Giấy chứng nhận bảo hiểm. + Hồ sơ hoàn công. <p>- Các tài liệu nói trên sẽ được Bên A nhận tối thiểu là một tuần trước khi hàng đến kho Bên A, nếu không nhận được Bên A sẽ không nhận hàng, Bên B sẽ chịu các chi phí phát sinh.</p> <p>- Bên A có quyền từ chối tiếp nhận hàng hoá nếu các tài liệu do bên B cung cấp không phù hợp với các quy định của hợp đồng mà không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào khác.</p> <p>- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Bên B phải thông báo kịp thời cho Bên A bất kỳ sự thay đổi nào so với nội dung trong Hợp đồng và chỉ ra sự thay đổi đó để Bên A xem xét (kể cả trong quá trình phê duyệt tài liệu kỹ thuật).</p> <p>Nhà thầu phải cung cấp tài liệu hướng dẫn vận hành thử nghiệm, nghiệm thu của tất cả các thiết bị theo hợp đồng một cách đầy đủ, rõ ràng, chi tiết, dễ hiểu.</p> <p>Chủ đầu tư phải nhận được các thông tin và chứng từ nêu trên trước khi hàng hóa đến địa điểm quy định, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu mọi chi phí phát sinh có liên quan.</p>
E-ĐKC 11.1	Loại hợp đồng: Trọn gói.
E-ĐKC 11.2	Giá hợp đồng: Cố định.
E-ĐKC 12.3	<p>Điều chỉnh thuế: Được phép.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.</p>
E-ĐKC 13.1	<p>Tạm ứng:</p> <p>Trong vòng 14 ngày kể từ ngày nhận được bảo lãnh thực hiện hợp đồng,</p>

	<p>văn bản đề nghị tạm ứng của Bên B và bảo lãnh tạm ứng theo Mẫu số 20 Phần 4 hoặc mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận, Bên A ứng trước cho Bên B 10% giá trị hàng hóa không bao gồm VAT, theo hình thức chuyển khoản, Bên B chịu phí chuyển tiền.</p> <p>Bảo lãnh tạm ứng phải được cấp bởi ngân hàng, tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam. Thời gian bảo lãnh tạm ứng theo tiến độ thực hiện hợp đồng tính từ khi phát hành đến thời gian sau ít nhất 30 ngày so với thời điểm dự kiến thu hồi hết tiền tạm ứng, theo Mẫu số 20 Phần 4. Bảo đảm thực hiện hợp đồng. Thời gian bảo lãnh tạm ứng theo tiến độ thực hiện hợp đồng tính từ khi phát hành đến thời gian sau ít nhất 30 ngày so với thời điểm dự kiến thu hồi hết tiền tạm ứng.</p> <p>Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 30 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả.</p> <p>Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 30 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.</p> <p>Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.</p> <p>Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.</p>
E-ĐKC 14.2	<p>Hình thức thanh toán: Chuyển khoản. Bên B chịu phí chuyển tiền.</p> <p>Phương thức thanh toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thanh toán khi giao hàng: <p>Sau khi Bên B giao hàng, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 80% giá trị lô hàng giao của từng đợt hàng, 100% thuế GTGT trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được Văn bản đề nghị thanh toán kèm theo đầy đủ 01 bản gốc và 06 bản chụp các chứng từ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

- + Biên bản bàn giao nghiệm thu, thanh lý hợp đồng;
- + Tài liệu hướng dẫn sử dụng, bảo trì, sửa chữa theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất;
- + Sổ bảo hành của Nhà sản xuất;
- + Hóa đơn GTGT do Bên B phát hành (bản sao);
- + Giấy hẹn nhận giấy đăng ký xe (bản chính);
- + Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự kèm hóa đơn;
- + Giấy hẹn nhận giấy chứng nhận đăng kiểm xe kèm hóa đơn (bản chính);
- + Biên lai lệ phí trước bạ (bản sao công chứng);
- + Biên lai lệ phí đăng ký xe (bản chính);
- + Biên lai thu phí quản lý đường bộ (bản chính);
- + Chứng từ gốc của dịch vụ đăng ký biển số.

Số đợt thanh toán: Tối đa là 3 đợt. Trong trường hợp Nhà thầu phải bồi thường cho Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư có quyền khấu trừ tiền bồi thường vào bất cứ đợt thanh toán nào cho Nhà thầu.

Mười phần trăm (10%) giá trị còn lại của hàng hóa không bao gồm VAT sẽ được Bên A thanh toán cho Bên B trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành hoặc 03 tháng kể từ ngày giao chuyển hàng cuối cùng (thời hạn nào đến trước thì áp dụng) với điều kiện Bên B đã xử lý xong mọi tồn tại về hàng hóa, đồng thời với việc Bên B nộp bảo lãnh bảo hành và Bên B nộp cho Bên A 01 bản gốc và 5 bản sao các chứng từ để thanh toán như sau:

- Văn bản đề nghị thanh toán 10% giá trị hợp đồng chưa bao gồm VAT.
- Giấy xác nhận hàng hoá đã được nghiệm thu hoặc giấy xác nhận chuyển hàng cuối cùng đã được bàn giao.
- Phiếu giá thanh toán theo quy định.

+ Đối với chi phí dịch vụ: 100% chi phí dịch vụ bao gồm thuế GTGT sẽ được thanh toán trong vòng 14 ngày sau khi Bên mua nhận được 01 bản gốc và 05 bản sao các chứng từ sau:

- Văn bản đề nghị thanh toán phí dịch vụ.
- Hóa đơn thuế Giá trị gia tăng.
- Chứng chỉ do Bên mua phát hành xác nhận Bên bán đã hoàn thành các dịch vụ theo yêu cầu của hợp đồng.
- Phiếu giá thanh toán theo quy định.

Trường hợp nhà thầu xuất hóa đơn điện tử thì gửi về theo địa chỉ mail của phòng Tài chính kế toán PTC2: ptcktpc2@gmail.com

Nhà thầu được thanh toán toàn bộ giá hợp đồng khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng. Trường hợp khối lượng công việc thực hiện ít hơn khối lượng theo hợp đồng thì hai bên phải ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng, trong đó nêu rõ giá hợp đồng mới tương ứng với khối lượng công việc thực tế.

	<p>kiện hàng: Nhà thầu sẽ phải đóng gói hàng hoá để tránh hư hỏng trong quá trình chuyên chở hàng hoá tới nơi nhận cuối cùng.</p>
E-ĐKC 19	<p>Nội dung bảo hiểm: Không áp dụng.</p>
E-ĐKC 20.1	<p>Trách nhiệm vận chuyển hàng hóa được thực hiện như sau: Nhà thầu có trách nhiệm vận chuyển hàng hoá tới địa điểm giao hàng theo quy định của Chủ đầu tư (kho). Mọi chi phí do nhà thầu chi trả.</p> <p>- Các yêu cầu khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Mọi chi phí liên quan đến việc vận chuyển hàng hoá (kể cả chi phí bốc dỡ hàng hoá lên phương tiện vận chuyển và xuống mặt bằng tại điểm đến cuối cùng), chi phí bảo hiểm (nếu có) đều do Nhà thầu thanh toán và tính vào trong giá hợp đồng. + Nhà thầu phải phối hợp với đơn vị quản lý dự án đảm bảo dự án không bị trở ngại trong bất cứ giai đoạn nào. + Các yêu cầu khác về dịch vụ kỹ thuật (nếu có): Theo quy định tại Chương V Yêu cầu kỹ thuật.
E-ĐKC 20.2	<p>Các dịch vụ bao gồm: Chi tiết tại mẫu số 1B Các dịch vụ liên quan.</p>
E-ĐKC 21.1	<p>Kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa:</p> <p>Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Bên A không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Bên B.</p> <p>Chi tiết theo quy định tại Chương V-Yêu cầu về kỹ thuật</p>
E-ĐKC 21.2	<p>Việc kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được thực hiện tại: địa điểm giao hàng.</p>
E-ĐKC 22	<p>1. Phạt vi phạm hợp đồng : “Áp dụng”.</p> <p>Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 26 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thể giao hàng hay cung cấp các dịch vụ liên quan theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nếu Bên B giao hàng chậm trễ so với thời gian quy định của hợp đồng thì Bên B phải chịu phạt với mức 0,5% giá trị hàng hóa chậm trễ trên một tuần. - Mức phạt tối đa do vi phạm hợp đồng là 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm. <p>Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 29 E-ĐKC.</p>

	<p>2. Bồi thường thiệt hại: “Áp dụng”.</p> <p>+ Ngoài mức phạt theo thỏa thuận nêu trên, Nhà thầu còn phải bồi thường các thiệt hại cho Chủ đầu tư và bên thứ 3 (nếu có) trong trường hợp do chậm trễ cung cấp vật tư thiết bị, do các sai sót, do hành vi vi phạm hợp đồng của Nhà thầu dẫn đến thiệt hại cho Chủ đầu tư và bên thứ 3 (nếu có) về người và tài sản trong thời gian thực hiện hợp đồng, bảo hành vật tư thiết bị. Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.</p> <p>+ Ngoài mức phạt/bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ hoàn thành hợp đồng nêu trên, Chủ đầu tư cảnh cáo nhà thầu bằng văn bản làm cơ sở để đánh giá uy tín của nhà thầu thông qua tiến độ và chất lượng thực hiện các hợp đồng. Việc cảnh cáo sẽ được báo cáo EVNNPT, niêm yết tại trang web nội bộ của EVNNPT và thông báo đến toàn thể các đơn vị thành viên của EVNNPT. Đồng thời, Tập đoàn Điện lực Việt Nam sẽ phê duyệt kết quả đánh giá chất lượng nhà thầu để làm cơ sở đánh giá uy tín nhà thầu. Nhà thầu truy cập mục văn bản pháp quy Hệ thống Thông tin Quản lý Đấu thầu của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) tại địa chỉ http://dauthau.evn.com.vn để nắm bắt được các thông tin:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Quy định của EVN khi đánh giá quá trình thực hiện Hợp đồng và cập nhật kết quả đánh giá. • Quy định của EVN về việc áp dụng kết quả đánh giá. <p>- Yêu cầu về phạt do Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu theo thời gian quy định trong hợp đồng: Không áp dụng.</p>
E-ĐKC 23.3	<p>Yêu cầu về bảo hành:</p> <p>- Thời hạn bảo hành là:</p> <p>Nhà thầu có trách nhiệm bảo hành hàng hoá như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hàng hóa cung cấp cho gói thầu được hưởng chế độ bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Chế độ bảo hành, bảo dưỡng tại đại lý chính hãng của nhà sản xuất. - Trong thời gian bảo hành, nếu thiết bị hư hỏng do lỗi của nhà sản xuất không khắc phục được thì nhà thầu phải thay mới 100%, mọi chi phí do nhà thầu chịu. - Thời hạn bảo hành: 36 tháng hoặc 100.000 km (tùy điều kiện nào đến trước) cho xe nền và 12 tháng không giới hạn km cho cần cẩu, thang nâng và thùng hàng. <p>Giá trị bảo lãnh bảo hành: 5% giá hợp đồng.</p> <p>- <u>Bảo lãnh bảo hành</u>: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày hàng hóa được nghiệm thu hoàn thành và được Bên A chấp nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Bên B phải giao cho Bên A Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. Bảo lãnh bảo hành là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do ngân hàng, tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam phát hành có giá trị bằng 5 phần trăm (%) Giá trị hợp đồng.</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - <u>Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành</u>: Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ phát hành đến hết 28 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành. Trường hợp sửa chữa, thay thế Hàng hóa trong thời gian bảo hành, Bên bán phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới. - Hai bên thống nhất sử dụng mẫu Phiếu bảo hành Vật tư thiết bị (VTTB) do EVNNPT ban hành tại Văn bản số 1237/EVNNPT-PC ngày 10/04/2018 - Trong thời hạn bảo hành, Nhà thầu phải có trách nhiệm kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng các thiết bị định kỳ theo quy định. Trong trường hợp thiết bị bị hỏng hóc, sự cố không do lỗi vận hành, Nhà thầu phải có trách nhiệm khắc phục sửa chữa, cung cấp và thay thế trong thời gian sớm nhất. - Ngoài thời hạn bảo hành, nếu thiết bị bị hỏng hóc, sự cố, Nhà thầu có trách nhiệm phối hợp cùng với Chủ đầu tư cũng như đơn vị quản lý vận hành kiểm tra, khắc phục sửa chữa ngay khi có yêu cầu của Chủ đầu tư trong thời gian sớm nhất. - Địa điểm để áp dụng bảo hành là: xác định tại thời điểm hoàn thiện hợp đồng.
<p>E-ĐKC 23.5 E-ĐKC 23.6</p>	<p>Thời hạn sửa chữa, thay thế là: Bất kỳ thời gian nào trong thời hạn bảo hành của hàng hóa.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh phát sinh trong quá trình sử dụng hàng hóa trong thời hạn bảo hành: <ul style="list-style-type: none"> + Nếu các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng xảy ra trong thời hạn bảo hành mà nguyên nhân xác định được do lỗi của Bên B, Chủ đầu tư phải thông báo ngay cho Nhà thầu bằng văn bản. Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý sửa chữa, thay thế kịp thời bằng mọi chi phí của Bên B theo thời gian yêu cầu của Bên A nhưng không muộn hơn 15 ngày kể từ khi Bên B nhận được thông báo của Bên A. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Bên B cố tình trì hoãn sửa chữa thì Bên A có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan này. Khi đó Bên A sẽ có thư cảnh cáo/phê bình Bên B và có quyền tạm dừng mua chủng loại vật tư, thiết bị đó.
<p>E-ĐKC 27.7 (d)</p>	<p>Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0 %.</p>